**ÔN TẬP KIỂM THỬ**

Câu 1: Kiểm thử hệ thống (System Testing) được thực hiện ngay sau khi:

A. Kiểm thử đơn vị

B. Kiểm thử chấp nhận

C. Kiểm thử tích hợp

D. Kiểm thử Module

Câu 2: Mục đích của kiểm thử chấp nhận là gì?

A. Chứng minh tính tích hợp của hệ thống

B. Chứng minh hệ thống không có lỗi

C. Chứng minh tính bảo mật của hệ thống

D. Chứng minh tính thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng và họ chấp nhận sản phẩm

Câu 3: Kỹ thuật đoán lỗi được sử dụng tốt nhất

A. Khi tiếp cận đầu tiên tạo ra các test case

B. Bởi những người kiểm thử thiếu kinh nghiệm

C. Sau khi hệ thống hoạt động

D. Sau khi các kỹ thuật chính thức được áp dụng

Câu 4: Điều nào sau đây không phải là kỹ thuật kiểm thử hộp đen?

A. Phân tích giá trị biên

B. Kiểm tra cú pháp

C. Bảng quyết định

D. Phân vùng tương đương

Câu 5: Một textbox chỉ nhận giá trị ký tự từ [a, 2, [A, Z], [0, 9]. Lớp tương đương nào không hợp lệ?

A. 5

B. $

C. w

D. j

Câu 6: Kiểm thử hộp trắng còn gọi là gì?

A. Kiểm thử cấu trúc

B. Kiểm thử đoán lỗi

C. Kiểm thử dựa vào thiết kế

D. Kiểm thử dựa vào kỹ thuật

Câu 7: Việc xem xét (review) hay kiểm tra (inspection) có thể được coi là một phần của kiểm thử không?

A. Có, vì chúng đều giúp phát hiện lỗi và cải thiện chất lượng

B. Không, vì chúng không áp dụng cho tài liệu kiểm thử

C. Không, vì chúng đều được áp dụng cho tài liệu phát triển

D. Không, vì chúng được áp dụng trước khi kiểm thử

Câu 8: Cho đoạn mã dưới đây, hãy cho biết phát biểu nào đúng?

Python

IF A > B

C = A –B

ELSE

C = A + B

ENDIF

Read D

TF C = D Then

Print "Error"

ENDIF

A. 1 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case để phủ nhánh

B. 2 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case để phủ nhánh

C. 2 test case để phủ các dòng lệnh, 2 test case để phủ nhánh

D. 3 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case để phủ nhánh

Câu 9: Hãy cho biết phương pháp kiểm thử chức năng?

A. Kiểm thử hệ thống

B. Kiểm tra khả năng sử dụng

C. Cả A và B

D. Kiểm tra năng suất

Câu 10: Đồ thị luồng/dòng dữ liệu của một chương trình/đơn vị chương trình là một đồ thị có hướng G = <N; E>, trong đó N là gì?

A. Tập các cạnh

B. Tập các đỉnh

C. Tập các hướng

D. Tập các đồ thị

Câu 11: Có bao nhiêu trường hợp kiểm thử là cần thiết để để bao hàm tất cả chuỗi câu lệnh (đường dẫn) có thể có cho đoạn chương trình dưới đây. Giả sử rằng, cả hai điều kiện độc lập với nhau.

Python

if (Conditien 1)

then statement Ì

else statement 2

…

if (Condiion 2)

then suement 3

A. 2 test case

B. 3 test case

C. 4 test case

D. 5 test case

Câu 12: Một phần của kiểm thử hệ thống là:

A. Kiểm thử Big Bang

B. Kiểm tra khả năng sử dụng

C. Kiểm thử hiệu suất, tải

D. Kiểm thử dựa trên quy trình kinh doanh

Câu 13: Kiểm thử thiết kế và toàn bộ hệ thống (sau khi tích hợp) có thỏa mãn yêu cầu đặt ra hay không được gọi là gì?

A. Kiểm thử tích hợp

B. Kiểm thử chấp nhận

C. Kiểm thử hệ thống

D. Kiểm thử đơn vị

Câu 14: Phát biểu nào dưới đây phù hợp nhất với những đặc điểm hay quy trình review:

A. Do tác giả dẫn dắt

B. Không có giấy tờ

C. Không có sự tham gia của quản lý

D. Được dẫn dắt bởi người điều hành hoặc lãnh đạo được đào tạo

Câu 15: Một hàm “main” điều khiển việc đưa dữ liệu vào và nhận kết quả ra của module gọi là gì?

A. input

B. driver

C. stub

D. output

Câu 16: Chúng ta chia kiểm thử thành các giai đoạn riêng biệt chủ yếu vì:

A. Càng có nhiều giai đoạn thử nghiệm

B. Có thể chạy các bài kiểm tra trong môi trường khác nhau

C. Mỗi giai đoạn kiểm tra có một mục đích khác nhau

D. Việc quản lý thử nghiệm theo từng giai đoạn dễ dàng hơn

Câu 17: Kỹ thuật nào dưới đây không phải là một hình thức của kiểm thử hộp trắng?

A. Kiểm thử giá trị biên

B. Kiểm thử đường dẫn cơ sở

C. Kiểm thử dòng dữ liệu

D. Kiểm thử bao phủ dòng lệnh

Câu 18: Cho đoạn mã dưới đây, số test case tối thiểu để phủ 100% branch coverage là bao nhiêu?

Python

If (x>y) x+=1;

Else y+=1;

While (x>y)

Y=x\*y; x=x+1;

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 19: Sự khác biệt của kiểm tra hồi quy và re-testing là gì?

A. Kiểm tra hồi quy được thực hiện sớm hơn; re-testing được thực hiện sau khi đã khắc phục các lỗi

B. Kiểm tra hồi quy chạy các test lặp đi lặp lại; re-testing để tìm những tác dụng phụ không mong muốn

C. Kiểm tra hồi quy tìm kiếm các tác dụng không mong muốn; re-testing là chạy kiểm thử lại

D. Kiểm tra hồi quy sử dụng cùng một môi trường; re-testing sử dụng các môi trường khác nhau

Câu 20: Kỹ thuật nào sau đây là một hình thức của kiểm thử chức năng – Function Testing?

A. Security

B. Usability Testing

C. Boundary Value Analysis

D. Performance Testing

Câu 21: Cho đoạn mã sau, mã nào đúng về số lượng test case tối thiểu cần thiết cho toàn bộ báo cáo và phạm vi nhánh?

Python

Read P

Read Q

If P+Q > 100 then

Print "Large"

Endif

If P > 50 then

Print "P large"

Endif

A. 1 test case để phủ các dòng lệnh, 1 test case để phủ nhánh

B. 1 test case để phủ các dòng lệnh, 2 test case để phủ nhánh

C. 1 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case để phủ nhánh

D. 2 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case để phủ nhánh

Câu 22: Một kỹ thuật kiểm thử phổ biến trong quá trình kiểm thử thành phần (Component) là:

A. Kiểm thử năng suất

B. Kiểm thử bảo mật

C. Kiểm thử câu lệnh và nhánh

D. Kiểm thử khả năng sử dụng

Câu 23: Trong những đáp án dưới đây, đáp án nào đúng?

A. Độ đo bao phủ càng nhỏ thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng cao

B. Độ đo bao phủ càng lớn thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng cao

C. Độ đo bao phủ càng lớn thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng thấp

D. Độ đo bao phủ không ảnh hưởng đến độ tin cậy của bộ kiểm thử

Câu 24: Kiểm thử hộp trắng được áp dụng chủ yếu trong giai đoạn nào của kiểm thử phần mềm?

A. Kiểm thử tích hợp

B. Kiểm thử chấp nhận

C. Kiểm thử đơn vị

D. Kiểm thử hệ thống

Câu 25: Nội dung nào dưới đây không có trong tài liệu Test Plan?

A. Môi trường thử nghiệm

B. Lịch trình và thời hạn

C. Những gì không kiểm tra được

D. Kế hoạch để đánh giá chất lượng

Câu 26: Một input nhận 5 giá trị năm sinh trong [1000, 2000]. Các giá trị biên để kiểm thử cho input field này là:

A. 0, 1900, 1990, 2000

B. 999, 1000, 2000, 2001, 2002

C. 1000, 1001, 1090, 1999

D. 1000, 2000

Câu 27: Điều nào dưới đây không được miêu tả trong kiểm thử đơn vị?

A. Phân vùng tương đương

B. Kiểm thử sức chịu tải

C. Kiểm tra cú pháp

D. Điều kiện sửa đổi/phủ quyết định

Câu 28: Hình thức nào dưới đây là kiểm thử chức năng

A. Kiểm thử tính khả dụng

B. Kiểm thử hiệu năng

C. Phân tích giá trị biên

D. Kiểm thử bảo mật

Câu 29: Ưu điểm nổi bật của phương pháp kiểm thử tích hợp từ trên xuống dưới (Bottom-dosen) là gì?

A. Kiểm thử nhanh theo từng đơn vị

B. Kiểm thử được các sub

C. Kiểm thử ngay chức năng điều khiển hệ thống

D. Thiết kế ca kiểm thử dễ và không cần stub

Câu 30: Mô tả nào phù hợp với đoán lỗi?

A. Bổ sung các kỹ thuật thì thử nghiệm chính thức

B. Không thể lặp lại và không nên sử dụng

C. Chỉ được thực hiện trong thử nghiệm chấp nhận của người dùng

D. Chỉ có thể được dùng trong thử nghiệm tích hợp, hệ thống và thành phần

Câu 31: Mục đích của điều kiện dừng trong kế hoạch kiểm thử là gì?

A. Để biết khi nào một bài kiểm thử cụ thể đã kết thúc quá trình thực hiện

B.

B. Để biết khi nào việc lập kế hoạch kiểm tra hoàn tất

C. Đảm bảo đã hoàn thành trường hợp kiểm thử

D. Lập kế hoạch khi nào dừng kiểm thử

Câu 32: Một lý do khiến nhà phát triển gặp khó khăn trong việc kiểm thử công việc của chính họ là:

A. Chưa qua đào tạo

B. Thiếu khách quan

C. Thiếu tài liệu kỹ thuật

D. Thiếu các công cụ kiểm tra trên thị trường dành cho nhà phát triển

Câu 33: Trọng tâm chính của kiểm thử chấp nhận là gì?

A. Đảm bảo rằng hệ thống được tất cả người dùng chấp nhận

B. Kiểm thử bởi một nhóm thử nghiệm độc lập

C. Kiểm thử theo quan điểm kinh doanh

D. Tìm lỗi hệ thống

Câu 34: Kiểm tra giá trị biên

A. Được sử dụng trong chiến lược kiểm thử hộp trắng

B. Kiểm tra sự kết hợp của các trường hợp đầu vào

C. Giống các bài kiểm thử phân vùng tương đương

D. Kiểm tra các điều kiện biên bên dưới, trên, ở các cạnh của đầu ra và đầu vào các lớp tương đương

Câu 35: Điều nào không phải là một phần của kiểm thử hiệu suất?

A. Đo thời gian phản hồi

B. Đo lường tỷ lệ giao dịch (transaction)

C. Mô phỏng nhiều người dùng

D. Kiểm thử khả năng phục hồi

Câu 36: Bao nhiêu thử nghiệm là đủ?

A. Câu hỏi này rất dễ trả lời

B. Câu hỏi này không thể trả lời

C. Phụ thuộc vào rủi ro trong từng lĩnh vực, hợp đồng hay các yêu cầu đặc biệt

D. Câu trả lời phụ thuộc vào sự trưởng thành của các nhà phát triển

Câu 37: Đâu là phát biểu không đúng về kiểm thử hệ thống?

A. Các bài kiểm tra hệ thống thường được thực hiện bởi các nhóm độc lập

B. Người dùng cuối nên tham gia vào các thử nghiệm hệ thống

C. Kiểm thử chức năng được sử dụng nhiều hơn kiểm thử cấu trúc

D. Các lỗi được tìm thấy trong quá trình kiểm thử hệ thống rất tốn kinh phí để sửa chữa

Câu 38: Cho đoạn mã giả dưới đây, số ca kiểm thử tối thiểu cần có để phủ tất cả các cung là bao nhiêu?

Python

Int kiemTra(int k){

If(k <= 1) return -1;

For(int i = 2; i < k; i++)

If(k%i==0)

Return -1;

Return 1;

}

A. Có 4 ca kiểm thử

B. Có 3 ca kiểm thử

C. Có 2 ca kiểm thử

D. Có 1 ca kiểm thử

Câu 39: Các trường hợp kiểm thử chấp nhận dựa trên những gì?

A. Mã

B. Bảng quyết định

C. Yêu cầu

D. Thiết kế

Câu 40: Yêu cầu nào dưới đây có thể kiểm tra được?

A. Hệ thống phải được xây dựng để di động

B. Hệ thống phải thân thiện với người dùng

C. Các bộ phận quan trọng của hệ thống phải có 0 lỗi

D. Thời gian đáp ứng phải nhỏ hơn một giây đối với tải thiết kế quy định

Câu 41: Test field lấy năm sinh từ 1900 – 2004. Các giá trị biên để kiểm tra trường này là:

A. 1900, 2004

B. 1899, 1900, 2004, 2005

C. 0, 1900, 2004, 2005

D. 1899, 1900, 1901, 2003, 2004, 2005

Câu 42: Điều nào dưới đây không đúng với điều kiện phủ (coverage criteria) của kiểm thử?

A. Thước đo điều kiện phủ kiểm thử là tỷ lệ phần trăm lỗi được tìm thấy

B. Thước đo điều kiện phủ là tỷ lệ phần trăm yêu cầu của người dùng được phủ

C. Các điều kiện phủ thường được sử dụng khi chỉ định các tiêu chí hoàn thành kiểm thử

D. Các điều kiện về phạm vi kiểm thử có thể được đo lường theo các hạng mục được thực hiện bởi một test suite

Câu 43: Trong quá trình phát triển phần mềm, quá trình kiểm thử sẽ bắt đầu ở thời điểm nào?

A. Khi mã hoàn tất

B. Khi thiết kế hoàn tất

C. Khi các yêu cầu phần mềm đã được phê duyệt

D. Khi mô-đun mã đầu tiên đã sẵn sàng để thử nghiệm đơn vị

Câu 44: Trong kiểm thử tích hợp, ngoài cách tích hợp tăng dần (từ dưới lên và từ trên xuống), còn cách nào khác không?

A. Tích hợp nhiều đơn vị (Unit Test)

B. Tích hợp đồng thời một lúc (Big Bang)

C. Tích hợp theo chiều sâu (Deep)

D. Tích hợp theo chiều rộng (Width)

Câu 45: Kiểm thử hệ thống phi chức năng bao gồm:

A. Kiểm thử một tính năng để đáp ứng cho hành động đó

B. Kiểm thử để xem hệ thống hoạt động không bình thường ở đâu

C. Kiểm thử các chức năng không nên tồn tại

D. Kiểm thử hiệu suất và tính khả dụng

Câu 46: Phương pháp luận nào được sử dụng để thực hiện testing bảo trì?

A. Testing lại

B. Testing xác nhận

C. Testing tình trạng

D. Testing độ sâu và testing độ rộng

Câu 47: Thuật ngữ nào được sử dụng để định nghĩa testing?

A. Tìm mã bị hỏng

B. Một giai đoạn của tất cả các dự án

C. Đánh giá có thể phân phối để tìm lỗi

D. Không có cái nào ở trên

Câu 48: Nội dung nào sau đây không thuộc tài liệu testing?

A. Chiến lược testing

B. Trường hợp testing

C. Ghi chú bắt đầu dự án [PIN]

D. Yêu cầu ma trận xác định nguồn gốc [RTM]

Câu 49: Giai đoạn nào dưới đây không phải là giai đoạn hợp lệ của SDLC - vòng đời phát triển phần mềm?

A. Giai đoạn yêu cầu

B. Giai đoạn testing

C. Giai đoạn triển khai

D. Testing đóng cửa

Câu 50: Điều nào dưới đây không phải là một phần của STLC – Vòng đời kiểm thử phần mềm?

A. Lập kế hoạch testing

B. Thu thập yêu cầu

C. Thiết kế testing

D. Testing đóng cửa

Câu 51: Testing nào dưới đây được gọi là testing hộp trắng?

A. Testing dựa trên thiết kế

B. Kỹ thuật đoán lỗi

C. Testing kết cấu

D. Tất cả đáp án trên đều sai

Câu 52: Testing nào dưới đây có liên quan đến phân tích giá trị biên?

A. Testing hộp trắng

B. Testing hộp đen

C. Testing hộp trắng và hộp đen

D. Tất cả đáp án trên đều sai

Câu 53: Testing chức năng là một….

A. loại Testing

B. mô hình SDLC

C. mức độ Testing

D. kỹ thuật thiết kế Testing

Câu 54: Kỹ thuật Testing nào được sử dụng để Testing khả năng sử dụng?

A. Testing hộp đen

B. Testing hộp trắng

C. Testing hộp xám

D. Kết hợp các loại trên

Câu 55: Các mức độ Testing được thực hiện theo thứ tự nào dưới đây?

A. Unit, System, Integration, Acceptance

B. Unit, Integration, Acceptance, System

C. Unit, Integration, System, Acceptance

D. Dựa vào bản chất của dự án

Đề 2

1/. Kiểm thử phần mềm là:

A/. Quá trình nhằm chứng minh là phần mềm không có lỗi.

B/. Quá trình nhằm xác lập độ tin cậy vào chương trình.

C/. Quá trình thực thi chương trình để chỉ ra là nó làm việc theo đúng đặc tả hệ thống.

D/. Quá trình thực thi chương trình để cố gắng tìm ra lỗi.

2/. STLC là viết tắt của từ

A/. System Testing Life Cycle.

B/. Software Testing Life Cycle.

C/. Software Test Life Cycle.

D/. System Test Life Cycle.

3/. Verification là:

A/. Kiểm chứng xem sản phẩm có đáp ứng với mong đợi của khách hàng không?

B/. Kiểm chứng xem sản phẩm có đúng với mong đợi của nhà phát triển không?

C/. Kiểm chứng xem sản phẩm có đáp ứng với các ràng buộc của dự án không?

D/. Kiểm chứng xem sản phẩm có phù hợp với môi trường hệ điều hành không?

4/. Validation là:

A/. Xác nhận xem sản phẩm có đáp ứng với yêu cầu của khách hàng không?

B/. Xác nhận xem sản phẩm có đúng với yêu cầu của nhà phát triển không?

C/. Xác nhận xem sản phẩm có đáp ứng với các ràng buộc của dự án không?

D/. Xác nhận xem sản phẩm có tương thích với môi trường hệ điều hành không?

5/. Tester cần tố chất nào sau đây:

A/. Có óc sáng tạo.

B/. Giỏi về lập trình.

C/. Giỏi về phân tích, thiết kế hệ thống.

D/. Có óc phán đoán tốt.

6/. Kiểm thử phần mềm hướng đến

A/. Phát hiện tất cả các lỗi.

B/. Sửa các lỗi tìm thấy.

C/. Ngăn ngừa và đề phòng lỗi xảy ra.

D/. Bảo đảm phần mềm hoàn toàn sạch lỗi

7/. Quy trình kiểm thử theo mô hình V gồm các giai đoạn sau:

A/. Requirements analysis, Test planning, Test execution, Test reporting, Test result analysis.

B/. Requirements analysis, Test planning, Test execution, Test reporting, Test result analysis, Defect Retesting, Regression testing, Test closure.

C/. Requirements analysis, Test execution, Test reporting, Test result analysis, Defect

Retesting, Regression testing, Test closure.

D/. Test planning, Test execution, Test reporting, Test result analysis, Defect Retesting, Regression testing, Test closure.

8/. Kiểm thử tĩnh là:

A/. Là kiểm thử không cần đến máy tính để chạy chương trình, nó chỉ rà soát mã

lệnh, kiểm tra và duyệt qua các yêu cầu phần mềm.

B/. Là kiểm thử dựa trên đầu vào và đầu ra của chương trình mà không quan tâm tới mã lệnh bên trong.

C/. Là kiểm thử dựa vào thuật toán, cấu trúc dữ liệu và mã lệnh bên trong của chương trình.

D/. Là kiểm thử có chạy chương trình với số liệu mẫu ít nhất 1 lần.

9/. Kiểm thử động là:

A/. Là kiểm thử có chạy chương trình để kiểm tra khả năng xử lý dữ liệu lỗi.

B/. Là kiểm thử có chạy chương trình nhiều lần với nhiều giá trị đầu vào khác nhau.

C/. Là kiểm thử có chạy chương trình với các giá trị đầu vào ít nhất 1 lần.

D/. Là kiểm thử liên quan đến chạy chương trình với các giá trị đầu vào và kiểm tra đầu ra có được như mong đợi với các Test case cụ thể không.

10/. QA là viết tắt của từ:

A/. Quality Assure.

B/. Quality Assurance.

C/. Quantity Assurance.

D/. Quality Assure.

11/. QC là viết tắt của từ:

A/. Quality Control.

B/. Quantity Computer.

C/. Quantity Control.

D/. Quality Computer.

12/. Black box testing là:

A/. Là phương pháp kiểm thử dựa trên đầu vào, đầu ra không quan tâm tới mã lệnh

của chương trình.

B/. Là phương pháp kiểm thử dựa vào thuật toán, cấu trúc dữ liệu và mã lệnh bên trong

của chương trình.

C/. Là phương pháp kiểm thử dựa trên đầu vào, đầu ra và mã lệnh bên trong chương trình.

D/. Là phương pháp kiểm thử dựa trên đầu vào, đầu ra ứng với các vùng giá trị.

13/. White box testing là:

A/. Là phương pháp kiểm thử dựa trên đầu vào, đầu ra không quan tâm tới mã lệnh của

chương trình.

B/. Là phương pháp kiểm thử dựa vào thuật toán, cấu trúc dữ liệu và mã lệnh của

chương trình.

C/. Là phương pháp kiểm thử dựa trên đầu vào, đầu ra và mã lệnh của chương trình.

D/. Là phương pháp kiểm thử dựa trên đầu vào, đầu ra ứng với các giá trị biên.

14/. Grey box testing là:

A/. Là phương pháp kiểm thử dựa trên đầu vào, đầu ra không quan tâm tới mã lệnh của

chương trình.

B/. Là phương pháp kiểm thử dựa vào thuật toán, cấu trúc dữ liệu và mã lệnh của chương

trình.

C/. Là phương pháp kết hợp giữa Black box testing và White box testing.

D/. Là phương pháp kiểm thử thủ công dựa trên khả năng đoán lỗi của Tester.

15/. Functional testing là:

A/. Kiểm thử các hàm của chương trình có thực hiện đúng không?

B/. Kiểm thử các hàm của chương trình có bị lỗi không?

C/. Kiểm thử các chức năng cơ bản, quy trình nghiệp vụ có đáp ứng yêu cầu của

người sử dụng không.

D/. Kiểm thử để chấp nhận sản phẩm.

16/. Unit testing là

A/. Kiểm thử các đơn vị chương trình như: Function, Procedure,

Class, Method,...

B/. Kiểm thử các Module chương trình.

C/. Kiểm thử tích hợp các đơn vị chương trình.

D/. Kiểm thử toàn bộ hệ thống.

17/. Unit testing được thực hiện bởi:

A/. Phân tích viên.

B/. Nhân viên kiểm thử.

C/. Kỹ sư công nghệ.

D/. Lập trình viên.

18/. Alpha test là:

A/. Kiểm thử trước khi xuất ra thị trường với phiên bản đầu tiên.

B/. Kiểm thử ngay tại nơi phát triển phần mềm bởi 1 nhóm kiểm

thử độc lập.

C/. Kiểm thử sau khi phát hiện các lỗi và đã sửa lỗi.

D/. Kiểm thử tích hợp bởi 1 nhóm kiểm thử độc lập.

19/. Beta test là:

A/. Kiểm thử trước khi xuất ra thị trường với phiên bản thứ 2, 3.

B/. Kiểm thử sau khi phát hiện các lỗi và đã sửa lỗi.

C/. Kiểm thử tích hợp bởi 1 nhóm kiểm thử độc lập.

D/. Kiểm thử bởi người sử dụng tiềm năng trong môi trường thực tế, và mọi phản

hồi sẽ gửi trả về nhà phát triển phần mềm.

20/. Reliability testing là:

A/. Kiểm thử hiệu quả.

B/. Kiểm thử độ tin cậy.

C/. Kiểm thử khả năng bảo trì.

D/. Kiểm thử an ninh, bảo mật.

21/. Usability testing là:

A/. Kiểm thử khả năng sử dụng.

B/. Kiểm thử độ tin cậy.

C/. Kiểm thử khả năng bảo trì

D/. Kiểm thử khả năng tương thích.

22/. Efficiency testing là:

A/. Kiểm thử khả năng tương thích.

B/. Kiểm thử hiệu quả.

C/. Kiểm thử chịu tải.

D/. Kiểm thử độ tin cậy.

23/. Maintainability testing là:

A/. Kiểm thử khả năng bảo trì.

B/. Kiểm thử cơ sở.

C/. Kiểm thử tài liệu.

D/. Kiểm thử quá tải.

24/. Compatibility testing là:

A/. Kiểm thử quá tải.

B/. Kiểm thử khả năng tương thích.

C/. Kiểm thử khả năng bảo trì.

D/. Kiểm thử độ tin cậy.

25/. Documentation testing là:

A/. Kiểm thử khả năng sử dụng.

B/. Kiểm thử khả năng tương thích.

C/. Kiểm thử tài liệu.

D/. Kiểm thử sức chịu đựng.

26/. Endurance testing là:

A/. Kiểm thử sức chịu đựng.

B/. Kiểm thử khả năng sử dụng.

C/. Kiểm thử quá tải.

D/. Kiểm thử chịu tải.

27/. Load testing là:

A/. Kiểm thử khả năng sử dụng.

B/. Kiểm thử quá tải.

C/. Kiểm thử chịu tải.

D/. Kiểm thử an ninh, bảo mật.

28/. Performance testing:

A/. Kiểm thử sức chịu đựng.

B/. Kiểm thử quá tải.

C/. Kiểm thử khả năng sử dụng.

D/. Kiểm thử hiệu suất.

29/. Security testing là:

A/. Kiểm thử an ninh, bảo mật.

B/. Kiểm thử tài liệu.

C/. Kiểm thử hiệu quả.

D/. Kiểm thử khả năng sử dụng.

30/. Scalability testing là:

A/. Kiểm thử khả năng mở rộng.

B/. Kiểm thử quá tải.

C/. Kiểm thử chịu tải.

D/. Kiểm thử độ tin cậy.

31/. Volume testing là :

A/. Kiểm thử quá tải.

B/. Kiểm thử hiệu quả.

C/. Kiểm thử khối lượng dữ liệu.

D/. Kiểm thử độ tin cậy.

32/. Stress testing là:

A/. Kiểm thử chịu tải.

B/. Kiểm thử quá tải.

C/. Kiểm thử hiệu quả.

D/. Kiểm thử khả năng sử dụng.

33/. Recovery testing là:

A/. Kiểm thử quá tải.

B/. Kiểm thử khả năng sử dụng.

C/. Kiểm thử phục hồi.

D/. Kiểm thử khả năng mở rộng.

34/. Kiểm thử cấu trúc thường (Structural testing) là 1 hình thức khác của:

A/. White box testing.

B/. Black box testing.

C/. Unit testing.

D/. Grey box testing.

35/. Automated testing là:

A/. Kiểm thử thủ công bằng cách đoán lỗi.

B/. Sử dụng phần mềm đặc biệt nhằm tự động thực hiện các Test case và so sánh kết quả thực tế với kết quả dự đoán.

C/. Kiểm thử tập trung vào các chức năng quan trọng của hệ thống và không quan tâm

đến kiểm tra chi tiết.

D/. Kiểm thử tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.

36/. Kiểm thử hộp kính (Glass box testing) còn được là:

A/. Black box testing.

B/. Unit testing.

C/. Grey box testing.

D/. White box testing.

37/. Integration testing là:

A/. Là Unit testing.

B/. Là Volume testing.

C/. Là kiểm thử tích hợp, nó kết hợp các thành phần của phần mềm và kiểm thử như

một ứng dụng đã hoàn thành.

D/. Là Kiểm thử toàn bộ hệ thống.

38/. System testing là:

A/. Kiểm thử phần cứng và phần mềm của hệ thống.

B/. Kiểm thử tích hợp lần cuối trước khi phát hành.

C/. Kiểm thử sau khi có 1 thay đổi được cập nhật.

D/. Kiểm tra các thiết kế và toàn bộ hệ thống (sau khi đã kiểm thử tích hợp) có thỏa

mãn yêu cầu đặt ra hay không?

39/. Chọn phát biểu đúng?

A/. Mô hình kiểm thử phần mềm độc lập với mô hình phát triển phần mềm.

B/. Mô hình kiểm thử phần mềm phụ thuộc vào mô hình phát triển phần mềm.

C/. Chỉ có một mô hình kiểm thử phần mềm chữ V.

D/. Không cần thiết có mô hình kiểm thử phần mềm.

40/. Kiểm thử hồi quy (Regression testing) thường có liên quan nhiều đến:

A/. Kiểm thử chức năng.

B/. Kiểm thử dòng dữ liệu.

C/. Kiểm thử khi phát triển hệ thống (Development testing).

D/. Kiểm thử trong lúc bảo trì (Maintenance testing)

41/. Kiểm thử mã lệnh là

A/. Black box testing.

B/. Red box testing.

C/. White box testing.

D/. Grey box testing.

42/. Acceptance testing được hiểu là:

A/. Grey box testing.

B/. White box testing.

C/. Alpha Testing.

D/. Beta testing.

43/. Mục nào là kiểm thử phi chức năng (non-functional testing)?

A/. Black box testing.

B/. Performance testing.

C/. Unit testing.

D/. Alpha Testing.

44/. Behavioral testing là:

A/. White box testing.

B/. Black box testing.

C/. Grey box testing.

D/. Red box testing.

45/. Kiểm thử phần mềm với số liệu thật trong môi trường thực tế gọi là:

A/. Alpha testing.

B/. Beta testing.

C/. Regression testing

D/. Volume testing.

46/. Alpha testing được hoàn thành bởi

A/. Users

B/. Developers

C/. Testers

D/. Tất cả các bên có liên quan.

47/. Beta testing là

A/. Một hình thức mở rộng của kiểm thử mức chấp nhận của người dùng.

B/. Kiểm thử hiệu suất phần mềm.

C/. Kiểm thử xem giao diện có tiện dụng và dễ hiểu với người dùng không.

D/. Kiểm thử sự phá hủy, bằng cách cố gắng làm hỏng phần mềm hoặc một hệ thống con.

48/. Để kiểm tra việc phát triển 1 phần mềm thỏa có phù hợp với yêu cầu của khách hàng hay

không, đó là các quá trình nào?

A/. Verification, Validation.

B/. Validation , Verification.

C/. Quality Assurance, Verification.

D/. Quality Control, Verification.

49/. Thử nghiệm nào duyệt qua các mã lệnh của phần mềm:

A/. Unit testing.

B/. Black box testing.

C/. White box testing.

D/. Regression testing

50/. Mật độ lỗi (defect density) dùng để đo lường

A/. Chất lượng sản phẩm cuối.

B/. Dự án phần mềm.

C/. Độ phức tạp của code.

D/. Chất lượng bảo trì

Đề 3

Câu 1: Đồ thị dòng điều khiển của một chương trình đơn vị chương trình là một đồ thị có hướng G-<N,E>, trong đó N là gì ?

A. là tập các đỉnh

B. là tập các cạnh

C. là tập các đồ thị

D. là tập các hướng

Câu 2: Kiểm thử hệ thống (System Testing )được thực hiện ngay sau khi

A.Kiểm thử module

B. kiểm thử tích hợp

C.kiểm thư chấp nhận

D.Kiểm thử đơn vị

Câu 3: Để kiểm tra một hàm, lập trình viên phải viết một…., gọi hàm được kiểm tra và truyền dữ liệu kiểm tra cho nó

A.Stub

B. Driver

C.Proxy

D. Tất cả điều sai

Câu 4: Mục đích của kiểm thử chấp nhận để làm gì?

A. Chứng minh tính thỏa mãn tất cả yêu cầu của khách hàng và khách hàng chấp nhận sản phẩm

B. Chứng minh tính bảo mật của hệ thống

C. Chứng minh hệ thống không còn lỗi

D.Chứng minh tính tích hợp của hệ thống

Câu 5: Kỹ thuật đoán lỗi được sử dụng tốt nhất

A. Bởi những người thử nghiệm thiếu kinh nghiệm

B. Sau khi các kỹ thuật chính thức được áp dụng

C. Sau khi hệ thống hoạt động

D. Khi tiếp cận đầu tiên tạo ra các test case

Câu 6: Điều nào sau đây KHÔNG phải là kỹ thuật hộp đen:

A- Phân vùng tương đương

B. Bảng quyết định.

C- Kiểm tra cú pháp

D. Phân tích giá trị biên.

Câu 7: Một textbox chỉ nhận giá trị ký tự từ [a, 2, [A, Z], [0, 9]. Chỉ ra một lớp tương đương không hợp lệ?

A.$

B.5

C.j

D.w

Câu 8: Cho đoạn mã sau vả phát biểu nào sau đây đúng:

Python

IF A > B

C = A –B

ELSE

C = A + B

ENDIF

Read D

TF C = D Then

Print "Error"

ENDIF

​

A. 2 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case đề phủ nhánh.

B. 1 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case để phủ nhánh.

C. 2 test case để phủ các dòng lệnh, 2 test case để phủ nhánh.

D. 3 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case đề phủ nhánh

Câu 9: Việc xem xét (review) hoặc kiểm tra (inspection) có thể được coi là một phần của kiểm thử không:

A. Không, vì chúng thường được áp dụng trước khi thử nghiệm

B. Không, vì chúng áp dụng cho tài liệu phát triển .

C. Có, vì cả hai đều giúp phát hiện lỗi và cải thiện chất lượng,

D. Không, vì chúng không áp dụng cho tài liệu kiểm thử

Câu 11: Kiểm thử hộp trắng còn được gọi là

A.Kỹ thuật đoán lỗi

B. Kiểm thử cấu trúc

C. Kỹ thuật dựa vào kinh nghiệm

D. Kiểm thử dực và thiết kế

Câu 12: Phương pháp nào sau đây là phương pháp kiểm thử phi chức năng?

A.Kiểm tra khả năng sử dụng

B.Kiểm thử hệ thống

C. Cả A&B

D. kiểm tra năng suất

Câu 13: Cái nào sau đây KHÔNG phải là một phần của kiểm thử hệ thống:

A. Kiểm thử nghiệm hiệu suất, tải

B. Kiểm thử dựa trên quy trình kinh doanh

C. Kiểm thử BIG BANG.

D. Kiểm tra khả năng sử dụng.

Câu 14: Có bao nhiêu trường hợp kiểm thử là cần thiết để bao hàm tất cả các chuỗi câu lệnh (đường dẫn ) có thể có cho đoạn chương trình sau? Giả sử rằng hai điều kiện là độc lập với nhau.

Python

if(Conditien 1)

then statement Ì

else statement 2

…

if(Condiion 2)

hen suement 3

A. 2 test case

B. 3 test case

C. 4 test case

D. 5 test case

Câu 15: Phát biểu nào phù hợp nhất với các đặc điểm hoặc quy trình review sau:

A. được dẫn dắt bởi người điều hành hoặc người lãnh đạo được đào tạo.

B. không có giấy tờ

C. do tác giả dẫn dắt

D. không có sự tham gia của quản lý

câu 16: một hàm “main” điều khiển việc đưa dữ liệu vào và nhận kết quả ra của module được gọi là gì?

A.input B.stub C. Driver D. output

Câu 17: sự khác biệt của re-testing và kiểm tra hồi quy:

A. re-testing sử dụng các môi trường khác nhau, kiểm tra hồi quy sử dụng cùng một môi trường

B. re-testing để tìm các tác dụng phụ không mong muốn; kiểm tra hồi quy chạy các test lặp đi lặp lại

C. re-testing được thực hiện sau khi các lỗi đã được khắc phục; kiểm tra hồi quy được thực hiện sớm hơn

D. re-testing là chạy kiểm thử lại; kiểm tra hồi quy tìm kiếm các tác dụng không mong muốn

Câu 18: kiểm thử thiết kế và toàn bộ hệ thống (sau khi tích hợp) có thỏa mãn yêu cầu đặt ra hay không được gọi là gì?

A.Kiểm thử hệ thống

B. Kiểm thử chấp nhận

C. kiểm thử tích hợp

D. kiểm thử đơn vị

Câu 19: cho đoạn mã sau, số test case tối thiểu để phủ 100% brach coverage là bao nhiêu?

Python

If (x>y) x+=1;

Else y+=1;

While (x>y)

Y=x\*y; x=x+1;

A. 4

B. 1

C. 2

D.3

Câu 20: Kỹ thuật nào sau đây không phải là một hình thức cảu kiểm thử hộp trắng:

A.Kiểm thử đường dẫn cơ sở

B. Kiểm thử dòng dữ liệu

C. Kiểm thử giá trị biên

D. Kiểm thử bao phủ dòng lệnh

Câu 21: Chúng ta chia kiểm thử thành các giai đoạn riêng biệt chủ yếu vì:

A. Việc quản lý thử nghiệm theo từng giai đoạn dễ dàng hơn

B. Mỗi giai đoạn kiểm tra có một mục đích khác nhau

C. Chúng tôi có thể chạy các bài kiểm tra khác nhau trong các môi trường khác nhau

D. Chúng tôi càng có nhiều giai đoạn, thử nghiệm

Câu 22: cho đoạn mã sau, mã này đúng về số lượng test case tối thiểu cần thiết cho toàn bộ báo cáo và phạm vi nhánh:

Python

Read P

Read Q

If P+Q > 100 then

Print "Large"

Endif

If P > 50 then

Print "P large"

Endif

​

A. 1 test case để phủ các dòng lệnh, 2 test case để phủ nhánh

B. 1 test case để phủ các dòng lệnh, 1 test case để phủ nhánh

C. 1 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case để phủ nhánh

D. 2 test case để phủ các dòng lệnh, 3 test case để phủ nhánh

Câu 23: Kỹ thuật nào sau đây là 1 hình thức của kiểm thử chức năng (functional testing)

A.Boundary value analysis

B. Peformance testing

C. Security

D. Usability testing

Câu 24: Một kỹ thuật kiểm thử phổ biến trong quá trình kiểm thử thành phần (component) là

A. Kiểm thử bảo mật

B. Kiểm thử năng xuất

C. Kiểm thử khả năng sử dụng [www.istqb.guru](http://www.istqb.guru/)

D. Kiểm thử câu lệnh và nhánh

Câu 25: câu nào sau đây là đúng?

A. Độ đo bao phủ càng lớn thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng cao

B. Độ đo bao phủ càng nhơ thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng cao

C. Độ đo bao phủ càng lớn thì độ tin cậy của bộ kiểm thử càng thấp

D. Độ đo bao phủ không ảnh hưởng đến độ tin cậy của bộ kiểm thử

Câu 26: nội dung nào sau đây không có trong tai liệu test plan

A.Những gì không kiểm tra được

B. kế hoạch để đánh giá chất lượng

C.Môi trường thử nghiệm

D. Lịch trình và thời hạn

Câu 27 : Một input nhận năm giá trị năm sinh trong [1000, 20000]. Các giá trị biên để kiểm thử cho input field này là:

A.1000, 1001, 1090, 1999

B.1000, 2000

C.0, 1900, 1990, 2000

D. 999, 1000, 2000, 2001, 2002

Câu 28: kiểm thử hộp trắng được áp dụng chủ yếu vào giai đoạn nào của kiểm thử phần mềm?

A.Kiểm thử chấp nhận

B.Kiểm thử đơn vị

C.Kiểm thử tích hợp

D.Kiểm thử hệ thống

Câu 29: Điều nào sau đây không được miêu tả trong kiểm thử đơn vị?

A.Điều kiện sửa đổi/ phủ quyết định

B. Kiểm tra cú pháp,

C. Kiểm thử sức chịu tải

D. Phân vùng tương đương,

Câu 30: Ưu điểm chỉnh của phương pháp kiểm thử tích hợp từ trên xuống dưới (Bottom-dosen) là gì?

A. Thiết kể ca kiểm thử dễ và không cần stub

B. Kiểm thừ được các sub

C. Kiểm thử ngay chức năng điều khiển hệ thống.

D. Kiểm thử nhanh theo từng đơn vị

Câu 31: Hình thức nảo sau đây là kiểm thử chức năng

A. Kiểm thử tính khả dụng

B. Kiểm thử hiệu năng,

C. Phân tích giá trị biên

D. Kiểm thử bảo mật

Câu 32: Mục đích của điều kiện dừng trong kế hoạch kiểm thử là gì:

A. lập kế hoạch khi nào dừng kiểm thử

B. Để biết khi nào một bài kiểm thử cụ thể đã kết thúc quả trình thực hiện.

C. để biết khi nào việc lập kế hoạch kiểm tra hoàn tất

D. để đảm bảo rằng đã kỹ thuật trường hợp thử nghiệm là hoàn thành

Câu 33: Mô tả nào phù hợp cho đoán lỗi :

A. không thể lặp lại và không nên sử dụng

B. chỉ có thể được sử dụng trong thử nghiệm thành phần, tích hợp và hệ thông.

C. bổ sung các kỹ thuật thì thử nghiệm chính thức.

D. chỉ được thực hiện trong thử nghiệm chấp nhận của người dùng.

Câu 34: Một lý do khiến các nhà phát triển gặp khó khăn trong việc kiềm thừ công việc của chính họ là:

A. Chưa qua đào tạo

B. Thiệu tài liệu kỹ thuật

C. Thiêu khách quan

D. Thiếu các công cụ kiểm tra trên thị trường dành cho nhà phát triển

Câu 35: Kiểm tra giá trị biên

A. Giống như các bài kiểm thử phân vùng tương đương

B. Kiểm tra các điều kiện biên trên, dưới và trên các cạnh của đầu vào và đầu ra các lớp tương đương

C. Kiểm tra sự kết hợp của các trường hợp đầu vào

D. Được sử dụng trong chiến lượt kiểm thử hộp trắng

Câu 36: Trọng tâm chính của kiểm thử chấp nhận là gì

A. Đảm bảo rằng hệ thống được tất cả người dùng chấp nhận

B. Kiểm theo quan điểm kinh doanh

C. Tìm lỗi hệ thống

D. Kiểm bởi một nhóm thử nghiệm độc lập

Câu 37: Điều nào sau đây không phải là 1 phần của kiểm thử hiệu suất

A. Đo lường tỉ lệ giao dịch (transaction )

B. Kiểm thử khả năng phục hồi

C. Mô phỏng nhiều người dùng

D. Đo thời gian phản hồi

Câu 38: Bao nhiêu thử nghiệm là đủ?

A. Câu trả lời này phụ thuộc và sự trưởng thành của các nhà phát triển của bạn

B. Câu hỏi này rất dễ trả lời

C. Phụ thuộc vào rủi ro đối với từng lĩnh vực, hợp đồng hoặc các yêu cầu đặc biệt

D. Câu hỏi này không thể trả lời

Câu 39: Mô tả nào phù hợp nhất với đặc điểm sau

1. Do tác giả dẫn dắt

2. Không có giấy tờ

3. Không có sự tham gia của quản lý

4. Được dẫn dắt bởi người điều hành hoặc người lãnh đạo được đào tạo

5. Sử dụng các tiêu chí xuất nhập cảnh

S) kiểm tra

t) đánh giá ngang hàng,

u) đánh giá không chính thức.

v) hướng dẫn

A. s = 4 và 5, t = 3, u = 2, v = 1

B. s = 1 và 5, t = 3, u = 2, v = 4

C. s = 5, t = 4, u = 3, v = 1 và 2

D. s = 4, t = 3, u = 2 và 5, v = 1

Câu 40: Phát biểu nào sau đây không đúng về kiểm thử hệ thống

A. Các lỗi được tìm thấy trong quá trình kiểm tra hệ thống rất tốn kém để sửa chữa

B. Kiểm thử chức năng được sử dụng nhiều hơn kiểm thử cấu trúc

C. Người dùng cuối nên tham gia vào các thử nghiệm hệ thống

D. Các bài kiểm tra hệ thống thường được thực hiện bởi các nhóm độc lập

Câu 41: Cho đoạn mã giả sau, số ca kiểm thử tối thiểu cần có để phủ tất cả các cung?

Python

Int kiemTra(int k){

If(k <= 1) return -1;

For(int i = 2; i < k; i++)

If(k%i==0)

Return -1;

Return 1;

}

A.Có 2 ca kiểm thử

B. Có 3 ca kiểm thử

C. Có 1 ca kiểm thử

D. Có 4 ca kiểm thử

Câu 42: Yêu cầu nào sau đây là có thê kiểm tra được?

A.Thời gian đáp ứng phải nhỏ hơn một giây đối với tải thiết kế quy định

B. Các bộ phận quan trọng của hệ thống phải có 0 lỗi.

C. Hệ bồn phải thân thiện với người dùng

D. Hệ thống phải được xây dựng để di động

Câu 43: Các trường hợp kiểm thử chấp nhận dựa trên những gì?

A.Bảng quyết định

B. Mã

C. Yêu cầu

D. Thiết kế

Câu 44: Test field lấy năm sinh từ 1900- 2004. Các giá trị biên để kiểm tra trường này là

A. 1900, 2004

B. 0, 1900, 2004, 2005

C. 1899, 1900, 2004, 2005

D. 1899, 1900, 1901, 2003, 2004, 2005

Câu 45: Điều nào sau đây KHÔNG đúng với điều kiện phủ (eoverage criteria) của kiểm thử?

A. Thước đo điều kiện phủ là tỷ lệ phần trăm yêu cầu của người dùng được phủ

B. Các điều kiện về phạm vi kiểm thử có thể được đo lường theo các hạng mục được thực hiện bởi một test suite

C. Thước đo điểu kiện phủ kiểm thử là tỷ lệ phần trăm lỗi được tìm thấy.

D. Các điều kiện phù thường được sử dụng khi chỉ định các tiêu chí hoàn thành kiểm thử

Câu 46: Trong quá trình phát triển phản mễm, quá trình kiểm thử có thể bất đầu vào thời điểm nào?

A. Khi mo-dun mã đầu tiên đã sẵn sàng để thử nghiệm đơn vị

B. Khi các yêu cầu phần mềm đã được phê duyệt

C. Khi mã hoàn tất

D. Khi thiết kế hoàn tất

Câu 47: Số đơn đặt hàng trên hệ thống kiểm soát kho có thể bao gồm từ 10000 đến 99999. Đầu vào nào sau đây có thể là kết quả của việc thiết kế bài kiểm tra chỉ cho các lớp tương đương hợp lệ và các ranh giới hợp lệ:

A. 1000, 5000, 99999

B. 10000, 50000, 99999.

C. 9999, 50000, 100000.

D. 10000, 99999

Câu 48: Trong kiểm thử tích hợp, ngoài cách tỉch hợp tăng dẫn (từ trên. xuống, từ đưới lên) thì còn cách nào khác?

A. Tích hợp đồng thời 1 lúc (big bang)

B. Tích hợp nhiều đơn vị (unit test)

C. Tích hợp theo chiêu sâu (deep),

D. Tích hợp theo chiêu rộng (width)

Câu 49: Kiểm thử hệ thống phi chức năng bao gồm:

A. Kiểm thử hiệu suắt và tính khả dụng

B. Kiêm thử các chức năng không nên tồn tại

C. Kiễm thử để xem hệ thông hoạt động không bình thường ở đâu

D. Kiểm thử một tính năng đề đáp ứng cho một hành động đó

Câu 50: Trong cuộc họp review, người kiểm duyệt (moderator) là người

A. Hòa giải giữa mọi người, điều hành buôi họp.

B. Lập biên bản cuộc họp

C. Gọi điện thoại

D. Viết các tài liệu để được xem xét

Câu 51: Phương pháp luận nào được sử dụng để thực hiện Testing Bảo trì?

A. Testing độ rộng và Testing độ sâu

B. Testing xác nhận

C. Testing lại

D. Testing tình trạng

Câu 52: Nội dung nào sau đây không thuộc tài liệu Testing?

A. Trường hợp Testing

B. Yêu cầu Ma trận xác định nguồn gốc [RTM]

C. Chiến lược Testing

D. Ghi chú bắt đầu dự án [PIN]

Câu 53: Thuật ngữ nào được sử dụng để định nghĩa Testing?

A. Đánh giá có thể phân phối để tìm lỗi

B. Tìm mã bị hỏng

C. Một giai đoạn của tất cả các dự án

D. Không có cái nào ở trên

Câu 54: Giai đoạn nào sau đây không phải là giai đoạn hợp lệ của SDLC (Vòng đời phát triển phần mềm:?

A. Giai đoạn Testing

B. Giai đoạn yêu cầu

C. Giai đoạn triển khai

D. Testing đóng cửa

Câu 55: Testing nào sau đây còn được gọi là Testing hộp trắng?

A. Testing kết cấu

B. Kỹ thuật đoán lỗi

C. Testing dựa trên thiết kế

D. Không có cái nào ở trên

Câu 56: Testing nào sau đây có liên quan đến phân tích giá trị biên?

A. Testing hộp trắng và hộp đen

B. Testing hộp trắng

C. Testing hộp đen

D. Không có cái nào ở trên

Câu 57: Testing chức năng là một ——?

A. Kỹ thuật thiết kế Testing

B. Mức độ Testing

C. Mô hình SDLC

D. Loại Testing

Câu 58: Các mức độ khác nhau của Testing là gì?

A. Testing hội nhập

B. Testing Unit

C. Testing System

D. Tất cả những điều trên

Câu 59: Điều nào sau đây không phải là một phần của STLC (Vòng đời Testing phần mềm:?

A. Lập kế hoạch Testing

B. Thu thập các yêu cầu

C. Thiết kế Testing

D. Testing đóng cửa

Câu 60: Testing tình trạng là một ——?

A. Loại Testing

B. Testing mức độ thực thi

C. Mức độ Testing

D. Kỹ thuật thiết kế Testing

Câu 61: Kỹ thuật Testing hộp trắng là?

A. Testing phạm vi tuyên bố

B. Testing phạm vi quyết định

C. Testing luồng dữ liệu

D. Tất cả những điều trên

Câu 62: Chúng tôi có thể thực hiện Testing Alpha trong môi trường nào?

A. Cuối của người dùng

B. Nhà phát triển kết thúc

C. Người dùng và nhà phát triển kết thúc

D. Không có cái nào ở trên

Câu 63: Nội dung nào dưới đây không phải là một phần của Kế hoạch Testing?

A. Lịch trình

B. Rủi ro

C. Báo cáo sự cố

D. Tiêu chí vào và ra

Câu 64: Mục tiêu chính của Testing Integration là gì?

A. Lỗi thiết kế

B. Lỗi giao diện

C. Lỗi thủ tục

D. Không có cái nào được đề cập

Câu 65: Testing thăm dò là một —–?

A. Kỹ thuật thiết kế Testing dựa trên kinh nghiệm

B. Kỹ thuật thiết kế Testing hộp trắng

C. Kỹ thuật thiết kế Testing hộp đen

D. Kỹ thuật thiết kế Testing hộp xám

Câu 66: Thời gian tốt nhất để thực hiện Testing hồi quy là gì?

A. Sau khi phần mềm đã được sửa đổi

B. Thường xuyên nhất có thể

C. Khi môi trường đã được sửa đổi

D. Cả hai tùy chọn a & c

Câu 67: Khách hàng có nhận được sản phẩm 100% không có lỗi không?

A. Sản phẩm cũ

B. Các nhà phát triển là siêu

C. Nhóm Testing không tốt

D. Tất cả những điều trên

Câu 68: Độ phức tạp Cyclomatic là?

A. Testing hộp trắng

B. Testing hộp đen

C. Testing hộp màu xám

D. Tất cả những điều trên

Câu 69: Nội dung nào sau đây không thuộc Loại Testing?

A. Testing chức năng

B. Testing System

C. Testing tuyên bố

D. Testing cơ sở dữ liệu

70: Tài liệu Testing nào được sử dụng để xác định Tiêu chí Thoát của Testing?

A. Báo cáo khiếm khuyết

B. Báo cáo tóm tắt Testing

C. Trường hợp Testing

D. Kế hoạch Testing

Câu 71: Phân tích tác động giúp chúng ta quyết định Testing nào sau đây?

A. Tiêu chí thoát

B. Testing hồi quy bao nhiêu nên được thực hiện?

C. Các công cụ khác nhau để thực hiện Testing hồi quy

D. Cần viết thêm bao nhiêu test case nữa?

Câu 72: Kỹ thuật Testing nào được sử dụng để Testing khả năng sử dụng?

A. Testing hộp trắng

B. Testing hộp màu xám

C. Testing hộp đen

D. Sự kết hợp của tất cả

Câu 73: Cách tiếp cận nào không phải là cách tiếp cận đúng của Phương pháp Testing gia tăng?

A. Cách tiếp cận vụ nổ lớn

B. Cách tiếp cận từ trên xuống

C. Chức năng buộc tội

D. Cách tiếp cận từ dưới lên

Câu 74: Chúng tôi có thể thực hiện Testing Beta trong môi trường nào?

A. Người dùng và nhà phát triển kết thúc

B. Nhà phát triển kết thúc

C. Cuối của người dùng

D. Không có cái nào ở trên

Câu 75: Đoán lỗi trong Testing phần mềm là gì?

A. Testing kỹ thuật quản lý kiểm soát

B. Testing kỹ thuật xác minh

C. Kỹ thuật thực thi Testing

D. Kỹ thuật thiết kế / quản lý dữ liệu test case

Câu 76: Sau giai đoạn nào, chúng ta có thể tiến hành Testing hộp trắng?

A. Sau giai đoạn mã hóa

B. Sau giai đoạn thiết kế

C. Sau khi tạo SRS

D. Sau giai đoạn cài đặt

Câu 77: Tên nào sau đây không phải là tên khác của Testing hộp trắng?

A. Testing kết cấu

B. Testing hành vi

C. Testing hộp kính

D. Không có cái nào được đề cập

Câu 78: Các mức độ Testing được thực hiện theo thứ tự nào sau đây?

A. Unit, Integration, System, Acceptance

B. Nó dựa trên bản chất của dự án

C. Unit, Integration, Acceptance, System

D. Unit, System, Integration, Acceptance

Câu 79: Định nghĩa thuật ngữ thất bại?

A. Một hành động của con người tạo ra một kết quả không chính xác.

B. Nó rời khỏi hành vi cụ thể

C. Tìm thấy trong phần mềm; kết quả của một lỗi.

D. Nó là thủ tục hoặc định nghĩa dữ liệu trong cơ sở dữ liệu máy tính.

Câu 80: Mô hình “V” là?

A. Loại Testing

B. Mức độ Testing

C. Kỹ thuật thiết kế Testing

D. Mô hình Testing phát triển phần mềm (SDLC)

Câu 81: Testing nào dưới đây được thực hiện mà không có tài liệu và kế hoạch được gọi là?

A. Testing hồi quy

**B. Testing Adhoc**

C. Testing Unit

D. Không có cái nào ở trên

Câu 82: Testing nào dưới đây có liên quan đến Testing phi chức năng?

A. Testing Unit

B. Testing hộp đen

C. Testing năng suất

D. Không có cái nào ở trên

Câu 83: Testing nào dưới đây liên quan đến Testing hộp đen?

A. Phân tích giá trị ranh giới

B. Phân tích đường dẫn mã

C. Testing đường dẫn cơ bản

D. Không có cái nào ở trên

Câu 84: Testing nào sau đây còn được gọi là Testing Acceptance?

A. Testing beta

B. Testing hộp trắng

C. Testing hộp màu xám

D. Testing alpha

Câu 85: ——– Testing được sử dụng để Testing mã?

A. Testing hộp màu xám

B. Testing hộp đen

C. Testing hộp trắng

D. Testing hộp màu đỏ

Câu 86: Trường hợp Testing hồi quy không phải là một ——–?

A. Testing tập trung vào các thành phần phần mềm, đã được sửa đổi.

B. Các thành phần cấp thấp được kết hợp thành các cụm, chúng thực hiện một chức năng con của phần mềm cụ thể.

C. Các bài Testing bổ sung nhấn mạnh các chức năng phần mềm, có khả năng bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi.

D. Một mẫu Testing đại diện, sẽ thực hiện tất cả các chức năng của phần mềm.

Câu 87: Nói chung, Testing nào được sử dụng khi các sản phẩm phần mềm bao bọc đang được thiết lập và là một phần của Testing Integration?

A. Testing hội nhập

B. Testing xác thực

C. Testing hồi quy

D. Testing khói

Câu 88: Câu lệnh nào sau đây được sử dụng để phát hiện lỗi trong test case?

A. Toán tử lôgic hoặc mức độ ưu tiên không chính xác

B. Kết thúc vòng lặp không tồn tại

C. So sánh các kiểu dữ liệu khác nhau

D. Tất cả những điều trên

Câu 89: Testing bảng Quyết định là một ———-?

A. Kỹ thuật thiết kế Testing hộp trắng

B. Kỹ thuật thiết kế Testing hộp đen

C. Kỹ thuật thiết kế Testing dựa trên kinh nghiệm

D. Kỹ thuật thiết kế Testing hộp xám

Câu 90: Khi nào chúng ta phải dừng Testing?

A. Các lỗi đã được sửa

B. Tất cả các bài Testing đều chạy

C. Thời gian hoàn thành

D. Rủi ro được giải quyết

Câu 91: ———- đó có phải là những lỗi phần mềm xảy ra trong giai đoạn viết mã không?

A. Defects

B. Failures

C. Errors

D. Bugs

Câu 92: Điều nào sau đây không phải là một kỹ thuật Testing phần mềm hợp lệ?

A. Testing

B. Phân tích luồng dữ liệu

C. Đoán lỗi

D. Hướng dẫn

Câu 93: Định nghĩa xác minh thuật ngữ trong mô hình V và V?

A. Testing xem chúng tôi có đang xây dựng System đúng không

B. Đảm bảo rằng đó là những gì người dùng muốn

C. Được thực hiện bởi một nhóm Testing độc lập

D. Testing xem chúng tôi đang xây dựng System phù hợp

Câu 94: Dạng đầy đủ của SRS là gì?

A. System phản hồi phần mềm

B. Phần mềm Yêu cầu kỹ thuật

C. System phản hồi phần mềm

D. Đặc tả yêu cầu System

Câu 95: Nhiệm vụ chính của lập kế hoạch Testing là gì?

A. Đo lường và phân tích kết quả

B. Đánh giá tiêu chí thoát và báo cáo

C. Xác định cách tiếp cận Testing

D. Chuẩn bị đặc điểm kỹ thuật Testing

Câu 96: Phát biểu nào dưới đây là đúng về kỹ thuật Phân vùng tương đương?

A. Một kỹ thuật Testing hộp đen phù hợp với tất cả các cấp độ Testing.

B. Một kỹ thuật Testing hộp trắng thích hợp để Testing thành phần.

C. Kỹ thuật Testing hộp đen chỉ được sử dụng bởi các nhà phát triển.

D. Một kỹ thuật Testing hộp đen chỉ có thể được sử dụng trong quá trình Testing System.

Câu 97: ITG là viết tắt của ——?

A. Integration Testing Group

B. Instantaneous Test Group

C. Independent Test Group

D. Individual Testing Group

Câu 98: Testing nào sau đây được coi là kỹ thuật Testing dựa trên lỗi?

A. Bài Testing về áp lực

B. Testing đột biến

C. Testing beta

D. Testing Unit

Câu 99: —— là những vấn đề đe dọa sự thành công của một dự án nhưng chưa xảy ra.

A. Stress testing

B. Mutation testing

C. Beta testing

D. Unit testing

Câu 100: Testing thành phần là gì?

A. Testing hộp trắng

B. Testing hộp màu xám

C. Testing hộp đen

D. Cả a & c

Đề 4:

Câu 1: What is the KEY difference between black-box and white box testing?

Sự khác nhau giữa kiểm thử hộp đen và kiểm thử hộp trắng là gì?

* A. Black box is functional; white box is structural (Hộp đen là chức năng; hộp trắng là cấu trúc)  
   B. Black box is functional; white box is non-functional (Hộp đen là chức năng; hộp trắng là phi chức năng)  
   C. Black box has a wider statement coverage than white box (Hộp đen có chiều rộng lớn hơn hộp trắng)  
   D. Black box can only be performed after white box (Hộp đen chỉ có thể được thực hiện sau hộp trắng)

Câu 2: Which test technique is based on requirements specifications?

Kỹ thuật kiểm tra nào là căn cứ vào các đặc tả yêu cầu?

* A. White box technique (Kỹ thuật hộp trắng)  
   B. Component testing (Kiểm thử thành phần)  
   C. Black box technique (Kỹ thuật hộp đen)  
   D. Unit Testing (Kiểm thử đơn vị)

Câu 3: The main focus of acceptance testing is:

Tiêu điểm chính của kiểm thử chấp nhận là:

* A. Finding faults in the system (Tìm lỗi trong hệ thống)  
   B. Ensuring that the system acceptable to all users (Đảm bảo rằng hệ thống có thể chấp nhận được đối với tất cả người dùng)  
   C. Testing the system with other systems (Kiểm thử hệ thống với các hệ thống khác)  
   D. Testing for a business perspective (Kiểm thử một quan điểm công việc)

Câu 4: The difference between re-testing and regression testing is:

Sự khác biệt giữa kiểm thử lại và kiểm thử hồi quy là:

* A. Re-testing is running a test again; regression testing looks for unexpected side effects (Kiểm thư lại đang chạy thử lại; Kiểm thử hồi quy sẽ tìm ra các kết quả phụ bất ngờ)  
   B. Re-testing looks for unexpected side effects; regression testing is repeating those tests (Kiểm thử lại sẽ tìm ra các kết quả bất ngờ; kiểm thử hồi quy là lặp lại những bài kiểm tra)  
   C. Re-testing is done after faults are fixed; regression testing is done earlier (Kiểm thử lại được thực hiện sau khi sửa lỗi; kiểm thử hồi quy được thực hiện sớm hơn)  
   D. Re-testing is done by developers, regression testing is done by independent testers (Kiểm thử lại được thực hiện bởi các nhà phát triển; kiểm thử hồi quy được thực hiện bởi những người kiểm thử độc lập)

Câu 5: \_\_\_\_includes both Black box and white box testing features

\_Bao gồm cả hai tính năng kiểm thử hộp đen và kiểm thử hộp trắng

* A. Gray box testing (Kiểm thử hộp xám)  
   B. Hybrid testing (Kiểm thử lai)  
   C. A&B (cả A và B)  
   D. None (Không có lựa chọn)

Câu 6: Which test levels are USUALLY included in the common type of V-model?

Mức độ kiểm tra nào thường dùng trong mô hình chữ V?

A. Integration testing, system testing, acceptance testing and regression testing (Kiểm thử tích hợp, kiểm thử hệ thống, kiểm thử chấp nhận và kiểm thủ hồi quy)

B. Component testing, integration testing, system testing and acceptance testing (Kiểm thử thành phần, kiểm thử tích hợp, kiểm thử hệ thống và kiểm thử chấp nhận)

C. Incremental testing, exhaustive testing, exploratory testing and data driven testing (Kiểm tra gia tăng, kiểm tra toàn diện, kiểm tra thăm dò và kiểm tra dữ liệu)

D. Alpha testing, beta testing, black box testing and white box testing (Kiểm thử Alpha, kiểm thử Beta, kiểm thử hộp đen và kiểm thử hộp trắng)

Câu 7: What is testing without executing the code?

Kiểm thử gì mà không thực hiện mã lệnh?

* A. Non-functional testing (Kiểm thử phi chức năng)  
   B. Structure based testing (white box) (Kiểm thử dựa vào cấu trúc – hộp trắng)  
   C. Static testing (Kiểm thử tĩnh)  
   D. Functional testing (black box) (Kiểm thử chức năng – hộp đen)

Câu 8: Non-functional system testing includes:

Kiểm tra hệ thống phi chức năng bao gồm:

* A. Testing to see where the system does not function properly (Kiểm thử để xem nơi hệ thống không hoạt động đúng chức năng)  
   B. Testing quality attributes of the system including performance and usability (Kiểm thử các thuộc tính của hệ thống bao gồm hiệu năng và khả năng sử dụng)  
   C. Testing a system feature using only the software required for that function (Kiểm tra tính năng hệ thống chỉ sử dụng phần mềm cần thiết cho chức năng đó)  
   D. Testing for functions that should not exist (Kiểm thử các chức năng có thể không tồn tại)

Câu 9: Which of the following is part of system testing:

Những điều sau đây là một phần của kiểm thử hệ thống:

* A. Performance, load and stress testing (kiểm thử hiệu năng, kiểm thử tốc độ tải và kiểm thử khả năng chịu tải)  
   B. Requirements based testing (Kiểm thử dựa vào yêu cầu)  
   C. Usability testing (Kiểm thử khả năng sử dụng)  
   D. All of the above are true (Tất cả những điều trên là đúng

Câu 10 Chọn câu sai: Kiểm thử tĩnh:

1. Không yêu cầu chạy phần mềm
2. Theo dõi phần mềm là kiểm thử tĩnh
3. Người quan sát sử dụng những kiến thức sẵn có để chuẩn đoán lỗi
4. Các thành phần khác của phần mềm không thể dùng để theo dõi

Câu 11: chọn các ý đúng về thử nghiệm phần mềm

1. Kiểm thử tìm các lỗi phát sinh, các chức năng lỗi trước khi đưa phần mềm vào sử dụng
2. Các dữ liệu được sử dụng khi kiểm thử phần mềm là dữ liệu thật
3. Kiểm thử là giai đoạn thử nghiệm phần mềm, kiểm tra xem phần mềm có chạy đúng như đã dự định hay không

Câu 12 Chọn các câu đúng:Kiểm thử động:

1. Phù hợp với kiểm tra thông số kỹ thuật
2. Không thể kiểm tra các thành phần phi chức năng
3. Tốn kém chi phí chạy chương trình
4. Kiểm tra được đầy đủ các thành phần trong hệ thống

Câu 13 Chọn câu đúng: Người dùng α là:

1. Người dùng làm việc với nhóm phát triển để thử nghiệm phần mềm tại địa điểm của nhà phát triển
2. Người dùng được cung cấp một phiên bản của hệ thống, cho phép họ tự thử nghiệm và nêu ra các vấn đề mà họ phát hiện ra với nhóm phát triển
3. Họ sẽ thử nghiệm, kiểm tra và quyết định xem sản phẩm đã sẵn sàng để triển khai đưa ra thị trường hay chưa

Câu 14: Thử nghiệm phát triển:

1. Tất cả các hoạt động thử nghiệm được thực hiện bởi các nhóm phát triển phần mềm
2. Có thể chia làm 3 giai đoạn: Kiểm thử đơn vị, thành phần, hệ thống
3. Những người thực hiện việc kiểm thử là lập trình viên và khách hàng

Câu 15: Chọn các ý đúng về Validation

1. Kiểm tra hệ thống có chạy đúng với kỳ vọng trong trường hợp cho trước không
2. Kiểm tra các lỗi phát sinh trong hệ thống
3. Mỗi test case được coi là thành công nếu hệ thống chạy đúng như kỳ vọng
4. Mỗi test case được coi là thành công nếu hệ thống chạy sai và lỗi được phát hiện

Đề 5

Câu hỏi và trả lời

CÂU 1: Thử nghiệm được thực hiện bằng cách xem mã được gọi là

1. Kiểm tra đơn vị
2. Thử nghiệm hộp đen
3. Kiểm thử hộp trắng
4. Thử nghiệm hồi quy

Câu 2: Loại phương pháp thử nghiệm này cố gắng tìm các chức năng không chính xác hoặc thiếu, lỗi trong cấu trúc dữ liệu hoặc truy cập cơ sở dữ liệu bên ngoài, lỗi giao diện, lỗi Hiệu suất, lỗi khởi tạo và kết thúc. Nó được gọi là

1. Kiểm tra hộp trắng
2. Kiểm tra hộp xám
3. Kiểm tra hộp đen

Câu 4: Kiểm thử phần mềm được thực hiện mà không có kế hoạch và Tài liệu được gọi là

[A]Thử nghiệm adHoc

[B]Kiểm tra đơn vị

[C]Kiểm tra hồi quy

[D]Thử nghiệm chức năng.

5.   
Thử nghiệm chấp nhận được gọi là

[A]Thử nghiệm Beta

[B]Thử nghiệm hộp xám

[C]Kiểm thử tự động

[D]Kiểm thử hộp trắng

6.   
Kiểm tra lại toàn bộ ứng dụng sau khi thực hiện thay đổi được gọi là?

[A]Kiểm tra hồi quy đầy đủ

[B]Hồi quy đơn vị

[C]Hồi Quy Khu Vực

[D]Thi lại

7.   
Phân tích giá trị biên thuộc phương pháp thử nghiệm nào?

[A]Kiểm tra hộp đen

[B]Kiểm thử hộp trắng

[C]Thử Nghiệm Căng Thẳng

[D]Không có cái nào ở trên

số 8.   
 Nó đo lường chất lượng của một sản phẩm. Đây là một phần cụ thể của quy trình QA, Đây là một quy trình khắc phục, Nó áp dụng cho sản phẩm cụ thể & Thỏa thuận với sản phẩm.

[A]Xác thực

Xác minh

[C]Đảm bảo chất lượng

[D]Quản lý chất lượng

9.   
Các loại kiểm thử tích hợp là gì

[A]Thử nghiệm vụ nổ lớn

[B]Kiểm tra từ dưới lên

[C]Kiểm tra từ trên xuống

[D]Tất cả những điều trên

10.   
Một số liệu được sử dụng để đo lường đặc tính của tài liệu và mã được gọi là

[A]Số liệu quy trình

[B]Số liệu sản phẩm

[C]Chỉ số thử nghiệm

[D]Không có cái nào ở trên

11.   
Kiểm thử phần mềm phi chức năng là gì?

[A]Kiểm tra đơn vị

[B]Thử nghiệm hộp khối

[C]Kiểm tra hiệu suất

[D]Thử nghiệm hồi quy

12.   
Quá trình giải quyết các vấn đề kỹ thuật và quản lý của phát triển phần mềm được gọi là?

[A]Quy trình giao hàng

[B]Quá trình thử nghiệm

[C]Quy trình phần mềm.

[D]Không có cái nào ở trên

13.   
Thực hiện cùng một trường hợp thử nghiệm trên bản dựng đã sửa đổi được gọi là

.

[A]Kiểm tra hồi quy

[B]Thi lại

[C]Thử nghiệm đặc biệt

[D]Kiểm tra độ tỉnh táo

14.   
Phương pháp kiểm thử hộp đen là gì?

MỘT.

[A]Phân vùng tương đương

[B]Phạm vi mã

[C]Chèn lỗi

[D]Không có cái nào ở trên

15.   
Thông báo cho nhà phát triển lỗi nào cần sửa trước được gọi là

1. Mức độ nghiêm trọng
2. ưu tiên
3. Khả năng sửa lỗi
4. Truy xuất nguồn gốc

**Kiểm thử tĩnh**

Câu 1: Điều nào sau đây đúng về các công cụ phân tích tĩnh

1. Họ giúp bạn tìm ra khuyết điểm hơn là thất bại
2. Chúng chỉ được sử dụng bởi các nhà phát triển
3. Họ yêu cầu biên dịch mã
4. Chúng chỉ hữu ích cho các ngành được quản lý

Câu 2: Hoạt động nào sau đây phân biệt hướng dẫn với đánh giá chính thức?

1. Hướng dẫn không tuân theo một quy trình xác định.
2. Đối với việc chuẩn bị cá nhân theo hướng dẫn của người đánh giá là tùy chọn
3. Một hướng dẫn yêu cầu cuộc họp
4. Hướng dẫn tìm ra nguyên nhân của lỗi, trong khi đánh giá chính thức tìm ra lỗi

Câu 3:Điều gì sau đây không phải là một kỹ thuật thử nghiệm tĩnh.

1. đoán lỗi
2. hướng dẫn
3. Phân tích luồng dữ liệu
4. Thanh tra

Câu 4: Kiểm tra xem có thể tìm thấy tất cả những điều sau đây ngoại trừ

1. Các biến không được xác định trong mã
2. Lỗi chính tả và ngữ pháp trong tài liệu
3. Yêu cầu đã được bỏ qua từ các tài liệu thiết kế
4. Bao nhiêu mã đã được bảo hiểm

Câu 5: Trong cuộc họp đánh giá, người điều hành là người:.

1. Ghi biên bản cuộc họp
2. Trung gian giữa mọi người
3. Nhận cuộc gọi điện thoại
4. Viết các tài liệu để được xem xét

**Đề tổng hợp**

1. Các hoạt động kiểm thử phần mềm nên bắt đầu

A. ngay sau khi mã được viết

B. trong giai đoạn thiết kế

C. khi các yêu cầu đã được chính thức ghi lại

D. càng sớm càng tốt trong vòng đời phát triển

2.Các lỗi do người dùng tìm thấy là do:

A. Phần mềm kém chất lượng

B. Phần mềm kém và thử nghiệm kém

C. xui xẻo

D. không đủ thời gian để kiểm tra

3. Lý do chính để kiểm thử phần mềm trước khi phát hành là gì?

A. để cho thấy rằng hệ thống sẽ hoạt động sau khi phát hành

B. quyết định khi nào phần mềm đủ chất lượng để phát hành

C. tìm càng nhiều lỗi càng tốt trước khi phát hành

D. để cung cấp thông tin cho một quyết định dựa trên rủi ro về việc phát hành

4. phát biểu nào sau đây không đúng

A. kiểm thử hiệu suất có thể được thực hiện trong quá trình kiểm thử đơn vị cũng như trong quá trình kiểm thử toàn bộ hệ thống

B. Kiểm thử chấp nhận không nhất thiết phải bao gồm kiểm thử hồi quy

C. Các hoạt động xác minh không nên liên quan đến người kiểm tra (đánh giá, kiểm tra, v.v.)

D. Môi trường thử nghiệm phải giống với môi trường sản xuất nhất có thể

5. Khi báo cáo lỗi tìm thấy cho nhà phát triển, người kiểm thử nên:

A. lịch sự, mang tính xây dựng và hữu ích nhất có thể

B. kiên quyết khẳng định rằng một lỗi không phải là một “tính năng” nếu nó cần được sửa

C. ngoại giao, nhạy cảm với cách họ có thể phản ứng với những lời chỉ trích

D. Tất cả những điều trên

6. Nên chạy thử nghiệm theo thứ tự nào?

A. các bài kiểm tra quan trọng nhất đầu tiên

B. làm bài kiểm tra khó nhất trước (để có thời gian khắc phục tối đa)

C. làm bài kiểm tra dễ nhất trước (để tạo sự tự tin ban đầu)

D. thứ tự chúng được nghĩ đến

7. Một lỗi được phát hiện càng muộn trong vòng đời phát triển thì càng tốn kém để sửa chữa. tại sao?

A. tài liệu kém nên mất nhiều thời gian hơn để tìm ra phần mềm đang làm gì.

B. tiền lương đang tăng

C. lỗi đã được tích hợp vào nhiều tài liệu, mã, bài kiểm tra, v.v.

D. Không có điều nào ở trên

8. Điều nào không đúng-Máy kiểm tra hộp đen

A. có thể hiểu được đặc tả chức năng hoặc tài liệu yêu cầu

B. có thể hiểu được mã nguồn.

C. có động cơ cao để tìm lỗi

D. sáng tạo để tìm ra điểm yếu của hệ thống

9. Kỹ thuật thiết kế kiểm thử là

A. một quá trình lựa chọn các trường hợp thử nghiệm

B. quy trình xác định kết quả đầu ra mong đợi

C. một cách để đo lường chất lượng của phần mềm

D. một cách để đo lường trong một kế hoạch thử nghiệm những gì phải được thực hiện

10. Phần mềm kiểm thử (trường hợp kiểm thử, bộ dữ liệu kiểm thử)

A. cần quản lý cấu hình giống như yêu cầu, thiết kế và mã

B. nên được xây dựng mới cho mỗi phiên bản mới của phần mềm

C. chỉ cần thiết cho đến khi phần mềm được đưa vào sản xuất hoặc sử dụng

A chỉ ghi lại lỗi

B có giá trị giới hạn

C là một nguồn thông tin dự án có giá trị trong quá trình thử nghiệm nếu nó chứa tất cả các sự cố

D. chỉ nên được sử dụng bởi nhóm thử nghiệm.

12. Tăng chất lượng của phần mềm, bằng các phương pháp phát triển tốt hơn, sẽ ảnh hưởng đến thời gian cần thiết để kiểm thử (các giai đoạn kiểm thử) bằng cách:

A. giảm thời gian kiểm tra

B. không thay đổi

C. tăng thời gian kiểm tra

13. Đo độ bao phủ

A. không liên quan gì đến thử nghiệm

B. là thước đo một phần của tính kỹ lưỡng của bài kiểm tra

C. phạm vi chi nhánh phải là bắt buộc đối với tất cả phần mềm

D. chỉ có thể được áp dụng khi thử nghiệm đơn vị hoặc mô-đun, không phải khi thử nghiệm hệ thống

14. Khi nào bạn nên ngừng kiểm thử?

A. khi thời gian thử nghiệm đã hết.

B. khi tất cả các bài kiểm tra theo kế hoạch đã được chạy

C. khi các tiêu chí hoàn thành bài kiểm tra đã được đáp ứng

D. khi chạy thử không tìm thấy lỗi

15. Điều nào sau đây là đúng?

A. Kiểm thử thành phần phải là hộp đen, kiểm thử hệ thống phải là hộp trắng.

B. nếu bạn tìm thấy nhiều lỗi trong quá trình thử nghiệm, bạn không nên quá tin tưởng vào chất lượng của phần mềm

C. bạn càng tìm thấy ít lỗi, thử nghiệm của bạn càng tốt

D. bạn càng chạy nhiều thử nghiệm, bạn càng tìm thấy nhiều lỗi.

16. Đâu là tiêu chí quan trọng để quyết định sử dụng kỹ thuật xét nghiệm nào?

A. bạn biết một kỹ thuật cụ thể đến mức nào

B. mục tiêu của bài kiểm tra

C. mức độ phù hợp của kỹ thuật để thử nghiệm ứng dụng

D. có công cụ hỗ trợ kỹ thuật hay không

17. Nếu đoạn mã giả bên dưới là một ngôn ngữ lập trình, cần bao nhiêu lần kiểm tra để đạt được mức độ bao phủ 100% của câu lệnh?

1.Nếu x=3

thì 2. Display\_messageX;

3. Nếu y=2 thì

4. Thông báo hiển thị;

5.Khác

6.Display\_messageZ;

7.Khác

8.Display\_messageZ;

1. 1
2. 2
3. 3
4. 4

18. Nên thực hiện kiểm thử hồi quy:

v) mỗi tuần

w) sau khi phần mềm thay đổi

x) thường xuyên nhất có thể

y) khi môi trường thay đổi

z) khi người quản lý dự án yêu cầu

A) v & w đúng, x, y & z sai

B) w, x & y đúng, v & z sai

C) w & y đúng, v, x & z sai

D) w đúng, v, x, y & z sai

19 Điều nào sau đây KHÔNG phải là một loại thử nghiệm phi chức năng?

A. Chuyển đổi trạng thái

B. Khả năng sử dụng

C. Hiệu suất

D. Bảo mật

20. Bạn sẽ sử dụng công cụ nào sau đây để phát hiện rò rỉ bộ nhớ?

A. Phân tích trạng thái

B. Phân tích phạm vi bảo hiểm

C. Phân tích động

D. Phân tích trí nhớ

21. Mục đích của tiêu chí hoàn thành bài kiểm tra là gì?

A) để biết khi nào một bài kiểm tra cụ thể kết thúc quá trình thực hiện

B) để đảm bảo rằng đặc tả trường hợp thử nghiệm đã hoàn thành

C) để đặt tiêu chí được sử dụng trong việc tạo đầu vào thử nghiệm

D) để xác định thời điểm dừng thử nghiệm

22. Cho đoạn mã sau, phát biểu nào đúng về số lượng trường hợp kiểm thử tối thiểu cần thiết cho toàn bộ câu lệnh và phạm vi chi nhánh? Đọc p Đọc q NẾU p+q > 100 THÌ In "Lớn" ENDIF NẾU p > 50 THÌ In "p Lớn" ENDIF

A) 1 thử nghiệm cho phạm vi câu lệnh, 3 cho phạm vi chi nhánh

B) 1 thử nghiệm cho phạm vi câu lệnh, 2 cho phạm vi chi nhánh

C) 1 thử nghiệm cho phạm vi câu lệnh, 1 cho phạm vi chi nhánh

D) 2 kiểm tra cho phạm vi câu lệnh, 2 cho phạm vi chi nhánh

23. Kiểm tra chức năng hệ thống là:

A) kiểm tra xem hệ thống có hoạt động với các hệ thống khác không

B) kiểm tra xem các thành phần cấu thành hệ thống có hoạt động cùng nhau không

C) kiểm tra chức năng từ đầu đến cuối của toàn bộ hệ thống

D) kiểm tra hệ thống thực hiện các chức năng trong thời gian phản hồi được chỉ định

24. Phân tích tĩnh KHÔNG tìm thấy gì?

A) việc sử dụng một biến trước khi nó được xác định

B) mã không thể truy cập ("chết")

C) rò rỉ bộ nhớ

D) vi phạm ràng buộc mảng

25. Một công cụ thực thi thử nghiệm thương mại điển hình sẽ có thể thực hiện tất cả những điều sau đây, NGOẠI TRỪ:

A) tính toán kết quả đầu ra dự kiến

B) so sánh kết quả mong đợi với kết quả thực tế

C) ghi âm đầu vào thử nghiệm

D) đọc các giá trị thử nghiệm từ tệp dữ liệu

26. Kết quả mong đợi là:

A) chỉ quan trọng trong thử nghiệm hệ thống

B) chỉ được sử dụng trong kiểm tra thành phần

C) hữu ích nhất khi được chỉ định trước

D) bắt nguồn từ mã

27. Điều nào sau đây sử dụng Phân tích tác động nhiều nhất?A) kiểm tra thành phần

B) thử nghiệm hệ thống phi chức năng

C) thử nghiệm chấp nhận của người dùng

D) kiểm tra bảo trì

28. Chúng tôi chia thử nghiệm thành các giai đoạn riêng biệt chủ yếu vì:

A) Mỗi ​​giai đoạn kiểm tra có một mục đích khác nhau.

B) Việc quản lý kiểm thử theo từng giai đoạn sẽ dễ dàng hơn.

C) Chúng tôi có thể chạy các thử nghiệm khác nhau trong các môi trường khác nhau.

D) Chúng tôi càng có nhiều giai đoạn, thử nghiệm càng tốt.

A) Các tính năng được kiểm tra

B) Báo cáo sự cố

C) Rủi ro

30. Phát biểu nào sau đây về đánh giá là đúng?

A) Không thể thực hiện đánh giá đối với đặc tả yêu cầu của người dùng.

B) Đánh giá là cách kiểm tra mã kém hiệu quả nhất.

C) Đánh giá không có khả năng tìm thấy lỗi trong kế hoạch kiểm tra.

D) Các đánh giá nên được thực hiện trên

31.Sai lệch so với hành vi cụ thể hoặc dự kiến, điều này được gọi là:

1. Một lỗi
2. Một lỗi
3. thất bại
4. một khiếm khuyết
5. Một sai lầm

32. Kiểm thử hồi quy nên được thực hiện:

v) mỗi tuần

w) sau khi phần mềm thay đổi

x) thường xuyên nhất có thể

y) khi môi trường thay đổi

z) khi người quản lý dự án yêu cầu

1. V & w đúng, x – z sai
2. W, x & y đúng, v & z sai
3. W & y đúng, v, x & z sai
4. W đúng, v, xy và z sai

33.Tiêu chuẩn tài liệu kế hoạch kiểm tra IEEE 829 bao gồm tất cả những điều sau ngoại trừ:

1. Các bài kiểm tra
2. Sản phẩm thử nghiệm
3. Nhiệm vụ kiểm tra
4. Môi trường thử nghiệm
5. Đặc điểm kỹ thuật kiểm tra

34. Thử nghiệm nên được dừng lại khi:

1. Tất cả các thử nghiệm theo kế hoạch đã được chạy
2. Thời gian đã hết
3. Tất cả các lỗi đã được sửa chữa một cách chính xác
4. cả a) và c)
5. Nó phụ thuộc vào các rủi ro đối với hệ thống đang được thử nghiệm

35. Số đơn đặt hàng trên hệ thống kiểm soát hàng tồn kho có thể nằm trong khoảng từ 10000 đến 99999. Đầu vào nào sau đây có thể là kết quả của việc thiết kế các thử nghiệm chỉ dành cho các lớp tương đương hợp lệ và các ranh giới hợp lệ:

1. 1000, 5000, 99999
2. 9999, 50000, 100000
3. 10000, 50000, 99999
4. 10000, 99999
5. 9999, 10000, 50000, 99999, 10000

36. Xem xét các tuyên bố sau về thiết kế thử nghiệm sớm:

i. thiết kế thử nghiệm sớm có thể ngăn ngừa sự nhân lên của lỗi

ii. các lỗi được tìm thấy trong quá trình thiết kế thử nghiệm ban đầu sẽ tốn kém hơn để khắc phục

iii. thiết kế kiểm thử sớm có thể tìm ra lỗi

iv. thiết kế thử nghiệm sớm có thể gây ra những thay đổi đối với các yêu cầu

v. thiết kế thử nghiệm sớm cần nhiều nỗ lực hơn

1. I, iii & iv đúng. Ii & v là sai
2. iii đúng, I, ii, iv & v sai
3. Iii & iv là đúng. i, ii & v là sai
4. I, iii, iv & v là đúng, ii là sai
5. I & iii đúng, ii, iv & v sai

37.Kiểm thử hệ thống phi chức năng bao gồm:

1. Kiểm tra xem hệ thống không hoạt động bình thường ở đâu
2. Kiểm tra các thuộc tính chất lượng của hệ thống bao gồm hiệu suất và khả năng sử dụng
3. Thử nghiệm một tính năng hệ thống chỉ sử dụng phần mềm cần thiết cho hành động đó
4. Thử nghiệm một tính năng hệ thống chỉ sử dụng phần mềm cần thiết cho chức năng đó
5. Kiểm tra các chức năng không nên tồn tại

38. Điều nào sau đây KHÔNG phải là một phần của quản lý cấu hình:

1. Kế toán trạng thái của các mục cấu hình
2. kiểm tra sự phù hợp với ISO9001
3. xác định các phiên bản thử nghiệm
4. Ghi lại các thay đổi đối với tài liệu theo thời gian
5. Truy cập thư viện được kiểm soát

39. Điều nào sau đây là mục đích chính của chiến lược tích hợp để thử nghiệm tích hợp trong quy mô nhỏ?

1. Để đảm bảo rằng tất cả các mô-đun nhỏ được kiểm tra đầy đủ
2. Để đảm bảo rằng hệ thống giao tiếp với các hệ thống và mạng khác
3. Để chỉ định những mô-đun nào sẽ kết hợp khi nào và bao nhiêu mô-đun cùng một lúc
4. Để đảm bảo rằng kiểm thử tích hợp có thể được thực hiện bởi một nhóm nhỏ
5. Để chỉ định cách chia phần mềm thành các mô-đun

40. Mục đích của tiêu chí hoàn thành kiểm thử trong một kế hoạch kiểm thử là gì:

1. Để biết khi nào một bài kiểm tra cụ thể đã hoàn thành việc thực hiện
2. Để đảm bảo rằng đặc tả trường hợp thử nghiệm đã hoàn thành
3. Để đặt tiêu chí được sử dụng trong việc tạo đầu vào thử nghiệm
4. Để biết khi nào lập kế hoạch kiểm tra hoàn tất
5. Lên kế hoạch khi nào nên dừng thử nghiệm